TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/DS-ST
Ngày: 19/6/2024.
"V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Nga.
2. Bà Phan Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2024/TLST-DS ngày 20/3/2024, về việc "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 404/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T17(viết tắt là JIVF);

Địa chỉ trụ sở: lầu A, 7 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông T– Chức vụ: tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Quốc P– Chức vụ: nhân viên JĐịa chỉ: lầu A Tòa nhà C, 7 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh(Văn bản ủy quyền số: 262/2024/UQLM-JIVF ngày 13/3/2024).

2. Bị đơn: Ông Lê Minh T1 năm 2004.

Nơi cư trú: tổ H, ấp D, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Ông P1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Cao Quốc P2 bày:*

Ngày 08/3/2023, ông Lê Minh T2 hợp đồng số 930050003947546000 với Công ty T17(viết tắt là JIVF) vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), mục đích vay mua sản phẩm nội thất, gia dụng, hình thức trả góp hàng tháng, thời hạn vay là 18 tháng, lãi suất 44,52%/năm, theo thỏa thuận trong hợp đồng ông T3 trách nhiệm thanh toán bao gồm cả gốc, lãi suất và phí trong thời hạn 18 tháng, mỗi tháng ông T4 toán cho Công ty T18 số tiền 2.326.281đ (hai triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi mốt đồng).

Từ ngày 31/3/2023 đến ngày 04/5/2023 ông T4 toán cho Công ty T18 số tiền 2.327.000đ (hai triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng). Từ sau ngày 04/5/2023 đến nay ông T5 thực hiện hợp đồng cố tình lẩn tránh mặc dù Công ty T17 đã nhiều lần yêu cầu ông T4 toán.

Tính đến ngày 19/6/2024 ông T6 nợ Công ty T18 số tiền nợ gốc là 28.453.427đ (hai mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm hai mươi bảy đồng), tiền lãi trong hạn là 13.708.657đ (mười ba triệu, bảy trăm linh tám nghìn, sáu trăm năm mươi bảy đồng), tiền lãi quá hạn là 2.729.541đ (hai triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm bốn mươi mốt đồng), phí quản lý khoản vay 144.000đ (một trăm bốn mươi bốn đồng). Tổng cộng là 45.035.625đ (bốn mươi lăm triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng).

Công ty T18 yêu cầu ông T4 toán số tiền là 45.035.625đ (bốn mươi lăm triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng), trong đó: tiền nợ gốc là 28.453.427đ (hai mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm hai mươi bảy đồng), tiền lãi trong hạn là 13.708.657đ (mười ba triệu, bảy trăm linh tám nghìn, sáu trăm năm mươi bảy đồng), tiền lãi quá hạn là 2.729.541đ (hai triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm bốn mươi mốt đồng), phí quản lý khoản vay 144.000đ (một trăm bốn mươi bốn đồng).

** Bị đơn là ông Lê Minh T7 được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cung cấp lời khai.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị

án đã thực hiện đúng quy định tại các điều: 239, 243, 248, 249, 250, 251, 253, 254, 256, 260 và Điều 263 của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, 71, 72, 86, 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung của vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T17, buộc ông Lê Minh T8 thanh toán Công ty T18 số tiền nợ gốc 45.035.625đ (bốn mươi lăm triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng) và tiền lãi suất theo quy định.

Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hlại cho Công ty T18 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

1.1. Bị đơn ông Lê Minh T10 địa chỉ nơi cư trú tại xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

1.2. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Cao Quốc P3 có đơn xin xét xử vắng, bị đơn ông Lê Minh T7 được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông P4 ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Công ty T17 khởi kiện yêu cầu ông Lê Minh T11 toán số tiền nợ và lãi chậm trả theo hợp đồng tín dụng đã ký nên xác định đây vụ án dân sự về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

3.1. Ông Lê Minh T12 bị đơn trong vụ án đã được Tòa án tống đạt các văn bản theo trình tự tố tụng nhưng không tham gia giải quyết vụ án, cũng không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

3.2. Căn cứ hợp đồng tín dụng số 930050003947546000 ngày 08/3/2023 giữa ông Lê Minh T13 Công ty T18, thỏa thuận ông T14 số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng); mục đích vay mua sản phẩm nội thất, gia dụng; hình thức trả góp hàng tháng; thời hạn vay là 18 tháng; lãi suất 44,52%/năm; kỳ hạn trả nợ theo tháng, số tiền thanh toán mỗi tháng (gồm gốc, lãi và phí) là 2.326.281đ (hai triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn, hai trăm tám mươi mốt đồng).

3.3. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T7 thanh toán cho Công ty T18 được số tiền 2.327.000đ (hai triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn đồng). Từ ngày 04/5/2023 đến nay ông T5 thanh toán cho Công ty T18 theo thỏa thuận của hợp đồng. Tính đến ngày 19/6/2024 ông T6 nợ Công ty T18 số tiền nợ gốc là 28.453.427đ (hai mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm hai mươi bảy đồng), tiền lãi trong hạn là 13.708.657đ (mười ba triệu, bảy trăm linh tám nghìn, sáu trăm năm mươi bảy đồng), tiền lãi quá hạn là 2.729.541đ (hai triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm bốn mươi mốt đồng), phí quản lý khoản vay 144.000đ (một trăm bốn mươi bốn đồng). Tổng cộng là 45.035.625đ (bốn mươi lăm triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng).

3.4. Về lãi suất: lãi suất trong hợp đồng tín dụng do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất. Theo hợp đồng tín dụng hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 44,52%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn đúng quy định tại Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm trả tiền nợ lãi và tiếp tục chịu lãi cho đến khi trả hết nợ gốc là có cơ sở chấp nhận.

3.5. Từ những căn cứ đã phân tích như trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty T19 có cơ sở chấp nhận.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T17 đối với ông Lê Minh T15 tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Lê Minh T8 thanh toán cho Công ty T18 tổng cộng là 45.035.625đ (bốn mươi lăm triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng), trong đó: nợ gốc là 28.453.427đ (hai mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm hai mươi bảy đồng), tiền lãi trong hạn là 13.708.657đ (mười ba triệu, bảy trăm linh tám nghìn, sáu trăm năm mươi bảy đồng), tiền lãi quá hạn là 2.729.541đ (hai triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm bốn mươi mốt đồng), phí quản lý khoản vay 144.000đ (một trăm bốn mươi bốn đồng).

Ông Lê Minh T16 tiếp tục thanh toán tiền lãi tính từ ngày 20/6/2024 trên dư nợ gốc theo lãi suất quá hạn được quy định tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của Công ty T17 được chấp nhận nên ông Lê Minh T16 phải chịu án phí là 2.251.781đ (hai triệu, hai trăm năm mươi mốt nghìn, bảy trăm tám mươi mốt đồng).

Hoàn trả lại Công ty T18 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T17 đối với ông Lê Minh T16 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Lê Minh T16 phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty T18 tổng số tiền 45.035.625đ (bốn mươi lăm triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng), trong đó: nợ gốc là 28.453.427đ (hai mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi ba nghìn, bốn trăm hai mươi bảy đồng), tiền lãi trong hạn là 13.708.657đ (mười ba triệu, bảy trăm linh tám nghìn, sáu trăm năm mươi bảy đồng), tiền lãi quá hạn là 2.729.541đ (hai triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, năm trăm bốn mươi mốt đồng), phí quản lý khoản vay 144.000đ (một trăm bốn mươi bốn đồng).

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Ông Lê Minh T16 phải chịu số tiền 2.251.781đ (hai triệu, hai trăm năm mươi mốt nghìn, bảy trăm tám mươi mốt đồng).

2.2. Hoàn trả lại cho Công ty T18 số tiền tạm ứng án phí 791.600đ (bảy trăm chín mươi mốt nghìn, sáu trăm đồng) theo Biên lai thu số 0009278 ngày 18/3/2024 Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

3. Về quyền và nghĩa vụ thi hành bản án của Tòa án:

3.1. Ông Lê Minh T16 tiếp tục thanh toán tiền lãi tính từ ngày 20/6/2024 trên dư nợ gốc theo lãi suất quá hạn được quy định tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyệnVĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại